

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 – 8 – 2024  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Cao Thị Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Tươi.

Ông Hà Bảo Hiền.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị C, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn bà Tô Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hòa hợp. Bà và ông H đã ly thân hơn 32 năm nay. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin vắng mặt ngày 12 tháng 8 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Tô Thị C chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Ông và bà C đã sống ly thân khoảng 32 năm nay và đã có gia đình riêng. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Tô Thị C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do điều kiện gia đình nên ông xin được vắng mặt khi Toà án giải quyết vụ án. Ông cam kết sẽ không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên toà, bà C có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Tô Thị C khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Khóm 3, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô Thị C và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống vào năm 1994, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, bà C và ông H xác định có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm nên hôn nhân không hạnh phúc, bà C và ông H đã sống ly thân 32 năm nay. Xét thấy, việc bà C và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Tô Thị C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà C và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Tô Thị C phải nộp 300.000 đồng. Bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015093 ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị C và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Bà C và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Tô Thị C phải nộp 300.000 đồng. Bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015093 ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND TT.R;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị Dung**